

KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Kè chống sạt lở phía bờ Tây Sông Pô Kô đoạn từ Trường Tiểu học Kim Đồng đến cầu treo qua trường Nội trú xã Đắk Pék

(Kèm theo Tờ trình số: 101 /TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Đắk Pék)

ĐVT: Đồng

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG		1.000.000.000		1.000.000.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G_{xd}	42.545.454.545	4.254.545.455	46.800.000.000
1	CPXD		42.545.454.545	4.254.545.455	46.800.000.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN		1.069.892.646		1.069.892.646
<i>a</i>	<i>Chi phí thực hiện nhiệm vụ QLDA</i>	$G_{qlda1} = G_{XD} \times 2,0373\%$	<i>866.778.545</i>		<i>866.778.545</i>
<i>b</i>	<i>Chi phí lập, TĐ HSMT; đánh giá, TĐ HSDT (tư vấn, XL)</i>	<i>G_{qlda2}</i>	<i>203.114.101</i>		<i>203.114.101</i>
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	G_{TV}=(1+2)	3.574.284.073	357.428.407	3.931.712.480
<i>1</i>	<i>Giai đoạn chuẩn bị đầu tư</i>		<i>1.126.145.891</i>	<i>112.614.589</i>	<i>1.238.760.480</i>
a	Chi phí khảo sát ĐH		272.727.273	27.272.727	300.000.000
b	Chi phí khảo sát địa chất		272.727.273	27.272.727	300.000.000
c	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát lập BCNCKT		22.480.909	2.248.091	24.729.000
d	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	$G_{xd} \times 0,7280\%$	309.730.909	30.973.091	340.704.000
e	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu		10.148.182	1.014.818	11.163.000
f	Chi phí thẩm tra thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư	$G_{xdt} \times 0,0873\% \times 0,7$	25.999.527	2.599.953	28.599.480
g	Chi phí giám sát công tác khảo sát lập BCNCKT		30.513.636	3.051.364	33.565.000
h	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường		181.818.182	18.181.818	200.000.000
2	Giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công		2.448.138.182	244.813.818	2.692.952.000
a	Chi phí khảo sát BVTC	TT	400.000.000	40.000.000	440.000.000
b	Chi phí thiết kế BVTC (công trình NN&PTNT, TK 2 bước)	$G_{xd} \times 2,4220\%$	1.030.450.909	103.045.091	1.133.496.000
c	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	$G_{XD} \times 0,1344\%$	57.181.091	5.718.109	62.899.200
d	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	$G_{XD} \times 0,1287\%$	54.756.000	5.475.600	60.231.600
e	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$G_{XD} \times 2,1289\%$	905.750.182	90.575.018	996.325.200

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
V	CHI PHÍ KHÁC	$G_k=(1+2+...7)$	1.502.208.364	129.513.773	1.637.392.636
1	Phí thẩm định dự án đầu tư (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	$60.000.000.000 \times 0,0145\%$	8.700.000		8.700.000
2	Phí thẩm định thiết kế cơ sở (Thông tư 209/2016/TT-BTC,)	$60.000.000.000 \times 0,0075\%$	9.542.000		9.542.000
3	Phí thẩm định thiết kế	$G_{XD/1,1} \times 0,0266\%$	11.317.091		11.317.091
4	Phí thẩm định dự toán	$G_{XD/1,1} \times 0,0254\%$	10.806.545		10.806.545
5	Chi phí rà phá bom mìn	Tạm tính	300.000.000	30.000.000	330.000.000
6	Chi phí bảo hiểm (Tính theo TT50/2022/TT-BTC)	$G_{XD} \times 1,0\%$	425.454.545	42.545.455	468.000.000
7	Phí thẩm định địa chính	Tạm tính	10.000.000		10.000.000
8	Chi phí đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính	Tạm tính	300.000.000	30.000.000	330.000.000
9	Chi phí cắm mốc chỉ giới phạm vi giải phóng mặt bằng	Tạm tính	100.000.000	10.000.000	110.000.000
10	Chi phí kiểm toán				
10.1	Phần xây dựng	$(TMDT-GDP-Ggpm b) \times 0,3137\%$	168.257.273	16.825.727	185.083.000
10.2	Phần GPMB	$Ggpm b \times 0,03137\%*0,5$	1.425.909	142.591	1.568.500
11	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán				
11.1	Phần xây dựng	$(TMDT-GDP-Ggpm b) \times 0,2062*0,5\%$	56.236.364		61.860.000
11.2	Phần GPMB	$Ggpm b \times 0,02062\%*0,5*0,5$	468.636		515.500
12	Thuế tài nguyên, phí môi trường	Bảng tính	100.000.000		100.000.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	10%			5.561.002.237
	TỔNG DỰ TOÁN	$G_{XDCT}=I+II+III+IV+V+VI$			60.000.000.000